

Số: 4704/QĐ-ĐHYD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-BYT ngày 27 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành “Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 5030/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi tên chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 2098/QĐ-ĐHYD-SĐH ngày 19 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc công nhận trúng tuyển cao học năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 4069/QĐ-ĐHYD-SĐH ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc công nhận trúng tuyển cao học đợt 2 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 4212/QĐ-ĐHYD-SĐH ngày 18 tháng 11 năm 2013 của Hiệu trưởng Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh về việc tiếp nhận học viên cao học Campuchia năm 2013;

Căn cứ Báo cáo số 1146/BC-ĐHYD-SĐH ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Trưởng Phòng Sau đại học - Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh báo cáo tốt nghiệp trình độ thạc sĩ năm 2015 khóa 2013 – 2015;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Sau đại học,

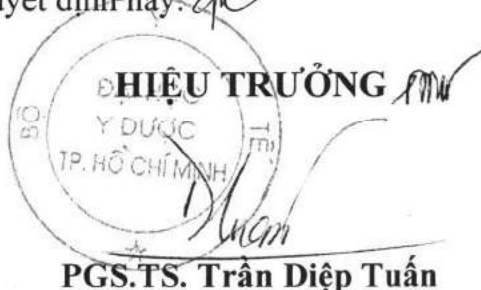
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho 300 (ba trăm) học viên khóa 2013 – 2015 thuộc 30 chuyên ngành (danh sách đính kèm), kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 2. Trưởng Khoa, Trưởng Phòng chức năng, Chủ nhiệm Bộ môn và các học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Lưu: VT, P.SĐH.


HIỆU TRƯỞNG
Y DƯỢC
TP. HỒ CHÍ MINH

PGS.TS. Trần Diệp Tuấn

**DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN
TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG THẠC SĨ**

(Kèm theo Quyết định số 4704 /QĐ-ĐHYD ngày 17 tháng 12 năm 2015)

1. Công nghệ dược phẩm và bào chế thuốc: 26 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
1	Lê Tuấn Anh	Nam	29/9/1989	Bình Định	3674
2	Trương Văn Đạt	Nam	18/02/1988	Tiền Giang	3675
3	Lê Thanh Hải	Nữ	20/6/1983	TP. Hồ Chí Minh	3676
4	Lê Quang Huy	Nam	15/6/1987	Đồng Tháp	3677
5	Trần Mỹ Khoa	Nữ	04/3/1989	Tiền Giang	3678
6	Trần Xuân Lan	Nam	21/4/1989	Quảng Ngãi	3679
7	Đặng Khánh Linh	Nữ	31/12/1987	TP. Hồ Chí Minh	3680
8	Trần Nhật Minh	Nữ	11/6/1988	Thừa Thiên - Huế	3681
9	Võ Thị Ngọc Minh	Nữ	02/6/1986	Đồng Tháp	3682
10	Trần Nguyễn Quang Minh	Nam	24/6/1989	TP. Hồ Chí Minh	3683
11	Kim Như Ngân	Nữ	11/9/1989	Vĩnh Long	3684
12	Phan Nguyễn Thảo Nguyên	Nữ	11/9/1988	Quảng Nam	3685
13	Lê Hữu Nguyên	Nam	20/02/1985	TP. Hồ Chí Minh	3686
14	Nguyễn Thị Phương Nhung	Nữ	12/7/1987	Quảng Bình	3687
15	Nguyễn Hồng Oanh	Nữ	05/8/1983	Tiền Giang	3688
16	Nguyễn Thị Phương	Nữ	24/11/1989	Bình Phước	3689
17	Phạm Toàn Quyền	Nam	30/01/1988	Đồng Nai	3690
18	Nguyễn Thế Quyền	Nam	06/10/1989	Gia Lai	3691
19	Phan Thị Dạ Thảo	Nữ	03/10/1982	Trà Vinh	3692
20	Nguyễn Minh Thức	Nam	09/10/1985	Kiên Giang	3693
21	Phan Thị Huyền Trang	Nữ	16/12/1988	Thừa Thiên - Huế	3694
22	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	26/12/1985	TP. Hồ Chí Minh	3695
23	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	18/4/1987	Quảng Trị	3696
24	Trần Ngọc Quang Trường	Nam	07/11/1988	Gia Lai	3697
25	Bùi Thị Cẩm Tươi	Nữ	21/02/1987	Đồng Tháp	3698
26	Nguyễn Trường Vi	Nam	18/4/1989	Phú Yên	3699

2. Đa liều: 05 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
27	Phạm Thúy An	Nữ	19/02/1988	Đồng Nai	3700
28	Nguyễn Thị Vũ Ly	Nữ	26/3/1988	Quảng Nam	3701
29	Nguyễn Thị Thúy Nga	Nữ	09/4/1988	TP. Hồ Chí Minh	3702
30	Trần Bích Ngân	Nữ	27/7/1988	TP. Hồ Chí Minh	3703
31	Vũ Thị Minh Nhật	Nữ	25/02/1985	TP. Hồ Chí Minh	3704

3. Điều dưỡng: 17 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
32	Hồ Thị Mỹ Châu	Nữ	08/12/1988	Quảng Trị	3705
33	Nguyễn Thị Thu Cúc	Nữ	01/11/1981	Hà Nội	3706
34	Khuru Chi Diễm	Nam	16/01/1982	TP. Hồ Chí Minh	3707
35	Tôn Nữ Minh Đức	Nữ	15/01/1989	Thừa Thiên - Huế	3708
36	Vương Thị Hương Giang	Nữ	14/5/1980	Hà Nội	3709
37	Vũ Thị Thu Hoài	Nữ	27/9/1973	Nam Định	3710
38	Nguyễn Thị Kim Liên	Nữ	04/01/1968	TP. Hồ Chí Minh	3711
39	Đỗ Thị Thùy Linh	Nữ	08/7/1988	Hà Nội	3712
40	Giang Nhân Trí Nghĩa	Nam	18/3/1987	Bạc Liêu	3713
41	Trần Thị Hồng Phương	Nữ	10/01/1988	Trà Vinh	3714
42	Lê Thị Minh Tâm	Nữ	09/12/1983	Đồng Tháp	3715
43	Nguyễn Thị Tâm	Nữ	28/7/1980	Hà Nam	3716
44	Nguyễn Bửu Tân	Nam	09/9/1988	An Giang	3717
45	Hoàng Kim Yến Thi	Nữ	17/01/1971	TP. Hồ Chí Minh	3718
46	Bùi Thị Thanh Thúy	Nữ	16/01/1988	Tiền Giang	3719
47	Phạm Thị Thúy Vũ	Nữ	10/5/1988	Quảng Nam	3720
48	Lê Thị Xuân	Nữ	02/12/1989	Quảng Bình	3721

4. Dược học cổ truyền: 09 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
49	Lê Thị Phương Anh	Nữ	01/9/1986	Gia Lai	3722
50	Nguyễn Thị Xuân Diệu	Nữ	13/3/1988	Khánh Hòa	3723
51	Phạm Hữu Dũng	Nam	10/12/1980	Lâm Đồng	3724
52	Nguyễn Linh Nhâm	Nữ	24/10/1988	TP. Hồ Chí Minh	3725
53	Nguyễn Thị Ngọc Nhị	Nữ	14/7/1979	Bình Dương	3726
54	Nguyễn Trần Quỳnh Như	Nữ	15/8/1981	Kiên Giang	3727
55	Đinh Thị Kim Phương	Nữ	17/8/1978	Đồng Tháp	3728
56	Trần Bá Việt Quý	Nam	29/11/1987	Cần Thơ	3729
57	Trần Thị Xuân	Nữ	24/01/1989	Bắc Ninh	3730

5. Dược lý và dược lâm sàng: 34 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
58	Thiều Đặng Thúy An	Nữ	28/10/1987	Đồng Nai	3731
59	Đặng Thái Phương Anh	Nữ	19/6/1987	Khánh Hòa	3732
60	Mang Thị Hồng Cúc	Nữ	24/9/1986	Khánh Hòa	3733
61	Trần Thị Thu Giang	Nữ	29/12/1989	Hậu Giang	3734
62	Đào Thị Thu Hằng	Nữ	16/7/1987	Đồng Nai	3735
63	Huỳnh Thị Thanh Hằng	Nữ	21/8/1982	Bình Dương	3736
64	Nguyễn Trà Thu Hiền	Nữ	25/10/1988	Bình Định	3737
65	Phạm Thị Minh Hiền	Nữ	01/8/1988	Tiền Giang	3738
66	Seng Ileng	Nam	18/7/1985	Campuchia	3739

67	Nguyễn Thị Hồng Lê	Nữ	31/3/1988	Đà Nẵng	3740
68	Võ Hồng Quyên Linh	Nữ	31/3/1987	Lâm Đồng	3741
69	Trương Thị Xuân Mai	Nữ	17/11/1985	Đồng Nai	3742
70	Nguyễn Thị Bích Nga	Nữ	19/02/1984	Long An	3743
71	Nguyễn Thị Linh Ngân	Nữ	24/9/1989	Kon Tum	3744
72	Trương Lê Thùy Nguyên	Nữ	17/7/1987	Quảng Nam	3745
73	Trần Lưu Hưng Nguyên	Nam	20/8/1988	Đồng Tháp	3746
74	Đoàn Nguyễn Phương Nhi	Nữ	24/11/1989	Thừa Thiên - Huế	3747
75	Đào Thị Kiều Nhi	Nữ	07/11/1989	Bình Định	3748
76	Nguyễn Minh Phúc	Nữ	09/01/1979	Cửu Long	3749
77	Trần Thị Như Phượng	Nữ	14/01/1988	Tây Ninh	3750
78	Lê Thị Mai Sương	Nữ	09/5/1989	Hà Tĩnh	3751
79	Huỳnh Công Thắng	Nam	25/12/1988	Quảng Nam	3752
80	Nguyễn Thị Kim Thoa	Nữ	22/02/1987	Phú Yên	3753
81	Trần Kim Thư	Nữ	10/8/1988	Kiên Giang	3754
82	Nguyễn Hữu Hoài Thương	Nữ	28/10/1989	Quảng Nam	3755
83	Nguyễn Thị Thương Thương	Nữ	12/12/1989	Đà Nẵng	3756
84	Ngô Thị Bích Thủy	Nữ	15/02/1982	Bạc Liêu	3757
85	Phạm Thị Huyền Trang	Nữ	15/10/1987	Bạc Liêu	3758
86	Phan Lê Thị Nhã Uyên	Nữ	20/01/1988	Bình Định	3759
87	Lương Thị Hải Vân	Nữ	20/8/1988	TP. Hồ Chí Minh	3760
88	Cao Thúy Vân	Nữ	18/6/1987	Quảng Ngãi	3761
89	Lê Phạm Tường Vân	Nữ	20/4/1985	Bến Tre	3762
90	Võ Thị Kim Yến	Nữ	11/01/1981	Long An	3763
91	Trần Thị Ngọc Yến	Nữ	24/9/1989	Quảng Nam	3764

6. Gây mê hồi sức: 05 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
92	Huỳnh Hữu Hiệu	Nam	21/8/1987	Bình Định	3765
93	Đặng Hồng Phong	Nam	10/9/1981	An Giang	3766
94	Nguyễn Thiên Phú	Nam	11/02/1988	TP. Hồ Chí Minh	3767
95	Đàm Trung Tín	Nam	27/11/1983	TP. Hồ Chí Minh	3768
96	Trần Ngọc Trung	Nam	24/9/1987	TP. Hồ Chí Minh	3769

7. Kiểm nghiệm thuốc và độc chất: 19 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
97	Trần Thị Vân Anh	Nữ	14/3/1988	Đắk Lắk	3770
98	Đỗ Nguyên Bình	Nam	17/01/1987	Cần Thơ	3771
99	Nguyễn Thị Mỹ Chân	Nữ	08/10/1985	Tiền Giang	3772
100	Lê Văn Cương	Nam	20/11/1974	Hà Tĩnh	3773
101	Trần Lưu Văn Đan	Nữ	08/3/1985	Đồng Tháp	3774
102	Nguyễn Phước Định	Nam	28/4/1988	Bến Tre	3775
103	Lê Mai Dung	Nữ	27/5/1984	Đồng Nai	3776
104	Mạch Khắc Duy	Nam	25/10/1989	Cần Thơ	3777
105	Khổng Lê Trường Giang	Nam	08/11/1984	Kiên Giang	3778

106	Hoàng Thùy Linh	Nữ	07/4/1984	Sóc Trăng	3779
107	Trần Thanh Mai	Nữ	23/7/1971	Bến Tre	3780
108	Nguyễn Ngọc Ngân	Nữ	19/7/1974	TP. Hồ Chí Minh	3781
109	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nữ	04/8/1984	Lâm Đồng	3782
110	Tôn Thất Trùng Phú	Nam	14/3/1987	Tây Ninh	3783
111	Trần Diễm Phúc	Nam	28/5/1988	Đồng Tháp	3784
112	Nguyễn Hồng Thiên Thanh	Nữ	01/11/1987	Kiên Giang	3785
113	Nguyễn Thị Huyền Trâm	Nữ	07/12/1988	Bình Thuận	3786
114	Nguyễn Ngọc Tuấn	Nam	20/9/1970	Bình Định	3787
115	Tạ Quang Vượng	Nam	04/9/1988	Gia Lai	3788

8. Ngoại khoa: 09 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
116	Trần Minh Hưng	Nam	13/7/1984	Khánh Hòa	3789
117	Tô Ý Nguyễn	Nam	04/6/1987	Cà Mau	3790
118	Bùi Văn Phong	Nam	01/02/1986	Kiên Giang	3791
119	Bùi Thế Phương	Nam	20/9/1988	Bình Thuận	3792
120	Dương Thị Ngọc Sang	Nữ	03/12/1987	Đồng Tháp	3793
121	Ngô Hoàng Kiến Tâm	Nam	27/6/1983	An Giang	3794
122	Phan Bảo Toàn	Nam	02/12/1987	Bạc Liêu	3795
123	Lê Văn Trung	Nam	20/02/1983	Bình Thuận	3796
124	Nguyễn Thái Tuấn	Nam	20/7/1981	Đồng Nai	3797

9. Ngoại khoa (Chấn thương chỉnh hình): 11 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
125	Lê Thị Lan Anh	Nữ	06/10/1986	Vĩnh Long	3798
126	Ngô Kiều Minh Đạt	Nam	06/12/1988	TP. Hồ Chí Minh	3799
127	Trần Ngọc Diệu	Nam	06/6/1988	Quảng Ngãi	3800
128	Huỳnh Phước Hậu	Nam	16/6/1986	Trà Vinh	3801
129	Phạm Thị Mỹ Hòa	Nữ	28/7/1987	Tây Ninh	3802
130	Bùi Nhật Linh	Nam	02/9/1987	Bình Dương	3803
131	Trần Trịnh Trung Nam	Nam	24/8/1984	An Giang	3804
132	Lê Minh Tiến	Nam	31/7/1987	Ninh Thuận	3805
133	Cái Hữu Ngọc Thảo Trang	Nữ	25/3/1987	Lâm Đồng	3806
134	Nguyễn Anh Trung	Nam	27/3/1986	Cần Thơ	3807
135	Trần Anh Vũ	Nam	24/5/1986	Khánh Hòa	3808

10. Ngoại khoa (Ngoại - Lồng ngực): 09 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
136	Nguyễn Kim Anh	Nam	09/7/1985	Khánh Hòa	3809
137	Dương Đình Bảo	Nam	16/12/1987	Cần Thơ	3810
138	Đoàn Tri Hào	Nam	11/7/1981	TP. Hồ Chí Minh	3811
139	Phạm Văn Huyện	Nam	15/3/1987	Nam Định	3812
140	Dương Văn Ninh	Nam	28/7/1976	Quảng Bình	3813

141	Kim Vũ Phương	Nam	19/12/1977	Trà Vinh	3814
142	Phan Thanh Thái	Nam	26/11/1987	An Giang	3815
143	Huỳnh Thị Minh Thùy	Nữ	20/8/1988	Quảng Ngãi	3816
144	Nguyễn Công Tiến	Nam	03/7/1986	Đồng Nai	3817

11. Ngoại khoa (Ngoại - Nhi): 04 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
145	Trần Quảng Đại	Nam	31/8/1988	Đồng Tháp	3818
146	Võ Ngọc Lân	Nam	28/5/1986	An Giang	3819
147	Trần Tấn Liêm	Nam	03/9/1986	Đà Nẵng	3820
148	Huỳnh Kim Quỳnh	Nữ	25/11/1988	Quảng Ngãi	3821

12. Ngoại khoa (Ngoại - Nội): 07 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
149	Trần Lê Duy Anh	Nam	20/5/1983	TP. Hồ Chí Minh	3822
150	Võ Sơn Thùy	Nam	14/10/1987	Bến Tre	3823
151	Trịnh Hoàng Tín	Nam	25/12/1983	Long An	3824
152	Huỳnh Thắng Trăn	Nam	06/7/1986	Tiền Giang	3825
153	Huỳnh Nguyễn Trường Vinh	Nam	15/02/1985	TP. Hồ Chí Minh	3826
154	Lưu Quang Việt	Nam	12/12/1988	TP. Hồ Chí Minh	3827
155	Trần Anh Vũ	Nam	01/10/1988	Bạc Liêu	3828

13. Ngoại khoa (Ngoại thần kinh và Sọ não): 03 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
156	Lê Quyết Chiến	Nam	14/10/1988	Đồng Nai	3829
157	Dương Văn Ngà	Nam	09/8/1982	Đồng Tháp	3830
158	Đỗ Quốc Vĩnh	Nam	10/11/1987	Trà Vinh	3831

14. Nhân khoa: 11 học viên.

STT	Họ và Tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Số vào sổ
159	Tăng Ngọc Anh	Nữ	28/9/1988	Kiên Giang	3832
160	Đinh Ngọc Bảo Châu	Nữ	02/8/1987	Tiền Giang	3833
161	Nguyễn Việt Dũng	Nam	22/5/1987	TP. Hồ Chí Minh	3834
162	Phạm Ngọc Hạnh	Nữ	05/12/1985	Đồng Nai	3835
163	Nguyễn Thị Hiên	Nữ	15/7/1986	Nghệ An	3836
164	Bùi Hải Nguyên	Nam	04/01/1988	TP. Hồ Chí Minh	3837
165	Trần Yến Phương	Nữ	08/3/1988	TP. Hồ Chí Minh	3838
166	Nguyễn Hữu Thế	Nam	25/11/1988	Tây Ninh	3839
167	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	13/8/1987	Bà Rịa-Vũng Tàu	3840
168	Phan Thanh Hải Yến	Nữ	16/11/1987	TP. Hồ Chí Minh	3841
169	Bùi Hải Yến	Nữ	06/4/1988	Đắk Lắk	3842

gvl